

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Ông Ngô Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn C

Địa chỉ: ấp Th, xã H, thành phố V, Tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 13/8/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã. Do đó, vợ chồng

bà đã sống ly thân hơn 8 năm nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Huỳnh Tấn Q (giới tính: Nam), sinh ngày 14/11/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn C vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông C vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn C và được quyền nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Huỳnh Văn C cư trú tại ấp Thạnh Thắng, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Huỳnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Huỳnh Văn C đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2009. Do đó, hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp. Bà N yêu cầu ly hôn với ông C là do vợ chồng bất đồng ý kiến và quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột và cãi vã. Ông bà đã sống ly thân hơn 8 năm nay. Vì vậy, bà N cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông C vẫn bỏ mặc và cũng không đến Tòa án để trình bày

ý kiến. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của ông C đối với bà N cũng không còn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N ly hôn với ông C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà N và ông C có 01 con chung là Huỳnh Tấn Q (giới tính: Nam) sinh ngày 14/11/2009. Trong thời gian bà N và ông C sống ly thân, cháu Q sống chung với bà N, được bà N nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo và phát triển tốt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/01/2020, cháu Huỳnh Tấn Q có nguyện vọng được sống chung với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị Thu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu Q và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do bà N chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N trình bày không có và cũng không yêu cầu, ông C chưa có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tấn Q (giới tính: Nam) sinh ngày 14/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông

Huỳnh Văn C chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Thu N chưa yêu cầu. Ông Huỳnh Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thu N đã nộp theo biên lai số 0002868 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà Nguyễn Thị Thu N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã H, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Liêm

Ngô Văn Tâm

Huỳnh Xuân Tình

